

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

## **MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>  | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>  | <b>5 - 6</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>  | <b>7 - 10</b>  |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b> | <b>11</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>           | <b>12 - 13</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>    | <b>14 - 36</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>  | <b>37</b>      |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 12 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 2512 8668
- Fax : +84 (028) 3512 8688

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển);
- Cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất máy lạnh, hệ thống cơ điện - điện lạnh (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, đường sông;
- Đầu tư và khai thác cảng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức (trừ vận tải hàng không);
- Sản xuất container, thiết bị chuyên dùng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp (không sản xuất tại trụ sở);
- Sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa phương tiện đường thủy - đường biển (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ - điện lạnh;
- Mua bán xe chuyên dùng;
- Đại lý tàu biển, đại lý hàng hải, môi giới hàng hải, đại lý vận tải đường hàng không;
- Mua bán máy móc, thiết bị và máy móc ngành nông nghiệp;
- Mua bán máy móc, thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- Mua bán tàu và thiết bị hàng hải;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|---------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Quang Tiến | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |
| Ông Phùng Văn Quang | Chủ tịch   | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Trần Đức Trung  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |
| Ông Trần Đoàn Viện  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|---------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Phùng Tuấn Anh  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |
| Ông Vũ Đức Tuấn     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |
| Ông Nguyễn Văn Hà   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Thế Quân | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Phạm Tiến Tịnh  | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên                | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Khuru Hoàng Nam      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022     |
| Bà Phạm Thị Thanh Hương  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022     |
| Ông Triệu Đình Trung     | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|---------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Đặng Ngọc Hùng  | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022   |
| Ông Nguyễn Thế Hưng | Tổng Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Trần Đoàn Viên  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022   |
| Ông Trần Đức Trung  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022   |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo như sau:

| Họ và tên           | Chức vụ       | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|---------------------|---------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Quang Tiến | Chủ tịch      | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |
| Ông Đặng Ngọc Hùng  | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022   |
| Ông Nguyễn Thế Hưng | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022 |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.





**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



**Đặng Ngọc Hùng**  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0574/23/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (xem thuyết minh số V.2b trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) và không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này do đánh giá có khả năng thu hồi được. Với các tài liệu và thông tin hiện có chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.



### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 26 tháng 3 năm 2022.

### Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Nguyễn Chí Dũng**

**Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023



**Phạm Mỹ Tuyên**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3596-2021-008-1

00 / 00  
CH  
ATK  
/ NH



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
|   |            |             |                       |                        |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>80.923.937.735</b> | <b>147.325.221.871</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>26.802.558.476</b> | <b>80.588.184.777</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 12.102.558.476        | 16.393.887.493         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 14.700.000.000        | 64.194.297.284         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>13.059.032.145</b> | <b>24.260.705.412</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        | V.2a        | 3.688.869.149         | 16.702.941.028         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        | V.2a        | (129.837.004)         | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2b        | 9.500.000.000         | 7.557.764.384          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>37.024.534.491</b> | <b>39.173.883.184</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 9.023.132.129         | 14.730.575.453         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 27.662.743.576        | 59.510.000             |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | 15.448.937.920         |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 794.090.323           | 8.934.859.811          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (455.431.537)         | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>137.933.887</b>    | <b>1.112.973.696</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 137.933.887           | 1.112.973.696          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>3.899.878.736</b>  | <b>2.189.474.802</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 1.498.201.673         | 1.264.824.170          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 1.415.032.106         | 585.704.009            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.14        | 986.644.957           | 338.946.623            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                      |



# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>141.635.012.802</b> | <b>125.375.563.695</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>5.000.000</b>       | <b>55.000.000</b>      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 5.000.000              | 55.000.000             |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>109.609.985.780</b> | <b>120.831.380.799</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 88.985.683.403         | 99.630.757.650         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 192.312.713.827        | 197.875.307.333        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (103.327.030.424)      | (98.244.549.683)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 20.624.302.377         | 21.200.623.149         |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 24.058.532.693         | 24.058.532.693         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (3.434.230.316)        | (2.857.909.544)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>202.363.636</b>     | <b>254.363.636</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 202.363.636            | 254.363.636            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>26.971.137.631</b>  | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2c        | 26.971.137.631         | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>4.846.525.755</b>   | <b>4.234.819.260</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 4.809.891.322          | 4.108.078.075          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        | V.12        | 36.634.433             | 126.741.185            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>222.558.950.537</b> | <b>272.700.785.566</b> |

15-C  
TY  
HAI MINH  
TƯ VẤN  
ĐÓNG CHỮ

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>24.502.897.016</b> | <b>34.961.666.022</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>24.167.769.016</b> | <b>34.606.538.022</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 6.919.327.806         | 15.430.168.154        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 1.444.000             | -                     |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.14        | 588.831.466           | 1.065.089.250         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.15        | 3.279.266.761         | 1.915.468.813         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.16        | 268.520.921           | 309.135.310           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17a, c    | 968.905.354           | 14.333.706.586        |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.18        | 11.000.000.000        | 271.279.833           |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.19        | 1.141.472.708         | 1.281.690.076         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>335.128.000</b>    | <b>355.128.000</b>    |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.17b, c    | 335.128.000           | 355.128.000           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**


Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |            |             |                        |                        |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>198.056.053.521</b> | <b>237.739.119.544</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>198.056.053.521</b> | <b>237.739.119.544</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.20        | 131.998.470.000        | 131.998.470.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 131.998.470.000        | 131.998.470.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.20        | 5.893.984.271          | 5.893.984.271          |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        | V.20        | (4.394.588.700)        | (4.394.588.700)        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.20        | 6.746.673.815          | 6.746.673.815          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.20        | 56.488.961.097         | 96.079.142.928         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 54.527.020.469         | 96.079.142.928         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 1.961.940.628          | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        | V.20        | 1.322.553.038          | 1.415.437.230          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>222.558.950.537</b> | <b>272.700.785.566</b> |



Đào Thế Hưng  
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023



Đặng Ngọc Hùng  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước             |
|--|-------|-------------|----------------------|-----------------------|
|  |       |             |                      |                       |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 83.794.836.147       | 90.715.464.872        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | 900.000              | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 83.793.936.147       | 90.715.464.872        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 73.338.491.645       | 75.873.966.100        |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 10.455.444.502       | 14.841.498.772        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 4.592.105.309        | 11.829.060.849        |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 3.815.134.769        | 1.385.493.668         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 16.897.223           | -                     |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    | V.2c        | (28.862.369)         | -                     |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    |             | -                    | -                     |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.5        | 9.329.103.337        | 6.981.004.587         |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 1.874.449.336        | 18.304.061.366        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.6        | 601.279.242          | 1.177.841.669         |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    |             | 339.838.420          | 125.491.693           |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 261.440.822          | 1.052.349.976         |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 2.135.890.158        | 19.356.411.342        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.14        | 124.844.046          | 2.445.295.145         |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    | V.12        | 90.106.752           | 116.297.229           |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>1.920.939.360</u> | <u>16.794.818.968</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 1.961.940.628        | 16.763.032.316        |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | (41.001.268)         | 31.786.652            |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.7a,b     | <u>130</u>           | <u>1.109</u>          |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.7a,b     | <u>130</u>           | <u>1.109</u>          |

  
Đào Thế Hưng  
Kế toán trưởng/Người lập

  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023  
Đặng Ngọc Hùng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh   | Đơn vị tính: VND       |                       |
|--|-----------|---------------|------------------------|-----------------------|
|  |           |               | Năm nay                | Năm trước             |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |               |                        |                       |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> |               | <b>2.135.890.158</b>   | <b>19.356.411.342</b> |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |               |                        |                       |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9, 10       | 9.210.013.464          | 9.069.951.330         |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | V.2a, 6       | 585.268.541            | -                     |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |               | -                      | -                     |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | V.2c; VI.3, 6 | (3.042.126.964)        | (6.687.008.706)       |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.4          | 16.897.223             | -                     |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |               | -                      | -                     |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                    | <b>08</b> |               | <b>8.905.942.422</b>   | <b>21.739.353.966</b> |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |               | (16.752.422.809)       | 13.537.268.205        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |               | 975.039.809            | (321.029.191)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |               | (6.888.086.835)        | 4.818.870.073         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |               | (875.190.750)          | (1.111.072.210)       |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        | V.2a          | 13.014.071.879         | (9.860.594.257)       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |               | -                      | -                     |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.14          | (1.509.044.748)        | (4.048.069.381)       |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |               | -                      | -                     |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.19          | (3.084.672.216)        | (1.582.087.287)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |               | <b>(6.214.363.248)</b> | <b>23.172.639.918</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |               |                        |                       |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.11          | (8.000.000)            | (6.205.665.589)       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        | V.9, VI.6     | 2.337.777.779          | 6.427.016.137         |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |               | (9.500.000.000)        | (6.557.764.384)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |               | 23.006.702.304         | 4.728.890.411         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        | V.2c          | (27.000.000.000)       | -                     |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |               | -                      | -                     |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | V.5a, VI.3    | 4.312.901.956          | 5.882.220.403         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |               | <b>(6.850.617.961)</b> | <b>4.274.696.978</b>  |

00  
 CC  
 HN  
 TOÁ  
 A  
 7-1

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|  |           |             |                         |                         |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.18        | 11.000.000.000          | -                       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.18        | (271.279.833)           | -                       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.17a, 20   | (51.449.365.259)        | (12.841.986.900)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(40.720.645.092)</b> | <b>(12.841.986.900)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(53.785.626.301)</b> | <b>14.605.349.996</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>80.588.184.777</b>   | <b>65.982.834.781</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                       | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>26.802.558.476</b>   | <b>80.588.184.777</b>   |



Đào Thế Hưng  
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Đặng Ngọc Hùng  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường bộ; cho thuê kho bãi, văn phòng; đại lý tàu biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận Tập đoàn năm nay giảm mạnh so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do dịch vụ vận tải năm nay gặp nhiều khó khăn, các chi phí đầu vào tăng cao trong khi doanh thu khai thác lại sụt giảm. Bên cạnh đó lãi kinh doanh chứng khoán cũng giảm mạnh so với năm trước do tình hình thị trường chứng khoán nhiều biến động.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                            | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính             | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|--|--|---------------|------------|------------------------|------------|
|  |  |  | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát         | Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa | 96,79%        | 96,79%     | 96,79%                 | 96,79%     |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh         | Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |
| Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh | Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |

#### 6b. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh có trụ sở chính tại Lô KB3-02, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 30%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.







## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

00/  
CỔ  
CHN  
MTO  
A  
NH.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp: giá trái phiếu đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu và hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

##### *Chi phí công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 – 50       |
| Máy móc và thiết bị             | 5 – 15        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 15        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 – 10        |
| Tài sản cố định khác            | 5 – 10        |

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình chỉ có quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 40 - 43 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.





## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 15. Vốn góp của chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

9816  
GT  
NH  
TƯ  
C  
PH

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt   | 1.057.757.614                | 1.938.040.964                |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                      | 10.543.089.850               | 13.425.080.529               |
| Tiền đang chuyển                                     | 501.711.012                  | 1.030.766.000                |
| Các khoản tương đương tiền                           | 14.700.000.000               | 64.194.297.284               |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 14.700.000.000               | 46.194.297.284               |
| - Trái phiếu   | -                            | 18.000.000.000               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>26.802.558.476</u></b> | <b><u>80.588.184.777</u></b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

|  | <u>Số cuối năm</u>          |                             |                             | <u>Số đầu năm</u>            |                              |                 |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------|
|  | <u>Giá gốc</u>              | <u>Giá trị hợp lý</u>       | <u>Dự phòng</u>             | <u>Giá gốc</u>               | <u>Giá trị hợp lý</u>        | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Cổ phiếu</i>                                      | 2.402.233                   | 2.402.233                   | -                           | 11.715.178.175               | 10.730.824.500               | -               |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                    | -                           | -                           | -                           | 2.705.684.425                | 2.320.000.000                | -               |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam                  | -                           | -                           | -                           | 3.389.100.750                | 2.844.040.500                | -               |
| Các cổ phiếu khác                                    | 2.402.233                   | 2.402.233                   | -                           | 5.620.393.000                | 5.566.784.000                | -               |
| <i>Trái phiếu<sup>(1)</sup></i>                      | 2.686.466.916               | 2.686.466.916               | -                           | 3.987.762.853                | 3.987.762.853                | -               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại TP. Hồ Chí Minh | 1.401.645.820               | 1.401.645.820               | -                           | 1.401.645.820                | 1.401.645.820                | -               |
| Tập đoàn Vingroup - CTCP                             | 1.330.052.998               | 1.330.052.998               | -                           | 1.330.052.998                | 1.330.052.998                | -               |
| Các trái phiếu khác                                  | -                           | -                           | -                           | 1.268.138.111                | 1.268.138.111                | -               |
| Các khoản khác                                       | 30.480.903                  | 30.480.903                  | -                           | -                            | -                            | -               |
| Chi phí mua trái phiếu phân bổ                       | (75.712.805)                | (75.712.805)                | -                           | (12.074.076)                 | (12.074.076)                 | -               |
| <i>Chứng chỉ quỹ tại TBCS</i>                        | 1.000.000.000               | 870.162.996                 | (129.837.004)               | 1.000.000.000                | 1.000.000.000                | -               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>3.688.869.149</u></b> | <b><u>3.559.032.145</u></b> | <b><u>(129.837.004)</u></b> | <b><u>16.702.941.028</u></b> | <b><u>15.718.587.353</u></b> | <b><u>-</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Do không có giá giao dịch nên không lập dự phòng và giá trị hợp lý xem như bằng giá trị ghi sổ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|--------------------|------------------|
| Số đầu năm                 | -                  | -                |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 129.837.004        | -                |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>129.837.004</b> | -                |

### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>   |                       | <u>Số đầu năm</u>    |                       |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|   | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>                                   | 6.500.000.000        | 6.500.000.000         | 5.557.764.384        | 5.557.764.384         |
| Trái phiếu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh | 3.000.000.000        | 3.000.000.000         | 2.000.000.000        | 2.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>   | <b>9.500.000.000</b> | <b>9.500.000.000</b>  | <b>7.557.764.384</b> | <b>7.557.764.384</b>  |

- (i) Trong đó một số sổ tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 4.000.000.000 VND đã được Công ty cầm cố tại các ngân hàng để phát hành bảo lãnh thanh toán.

### 2c. Đầu tư vào công ty liên kết

|                           | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-----------------------|-------------------|
| Giá gốc                   | 27.000.000.000        | -                 |
| Lợi nhuận sau ngày đầu tư | (28.862.369)          | -                 |
| <b>Cộng</b>               | <b>26.971.137.631</b> | -                 |

Trong năm Tập đoàn đã mua 2.700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh với giá mua là 27.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh.

*Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng kho bãi, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

*Giao dịch với công ty liên kết*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh (là bên liên quan)                 | 887.994.867          | -                     |
| Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam                                | 1.136.662.750        | -                     |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu                            | 108.196.364          | 980.005.457           |
| Công ty Cổ phần Ô tô Toyota Việt Nam                              | 2.171.778.832        | 3.205.230.194         |
| Công ty TNHH Toàn Cầu Khai Minh                                   | 1.498.564.680        | 1.633.274.450         |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát | 21.224.815           | 1.061.605.700         |
| Các khách hàng khác   | 3.198.709.821        | 7.850.459.652         |
| <b>Cộng</b>   | <b>9.023.132.129</b> | <b>14.730.575.453</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm        |
|--|-----------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup> | 27.557.419.576        | -                 |
| Các nhà cung cấp khác  | 105.324.000           | 59.510.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>27.662.743.576</b> | <b>59.510.000</b> |

<sup>(i)</sup> Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh liên quan đến hợp đồng mua các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

|   | Số cuối năm        |          | Số đầu năm           |          |
|---|--------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| Tạm ứng   | 319.529.840        | -        | 423.187.598          | -        |
| Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Minh Minh - cho vay          | -                  | -        | 3.000.000.000        | -        |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Triều Dương - hợp tác đầu tư    | -                  | -        | 2.000.000.000        | -        |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Trường Phát HD - hợp tác đầu tư | -                  | -        | 1.000.000.000        | -        |
| Công ty Bảo Minh Hải Phòng - phải thu bồi thường          | 217.549.221        | -        | 303.007.807          | -        |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn                                 | -                  | -        | 81.000.000           | -        |
| Lãi dự thu  | -                  | -        | 1.568.308.847        | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                          | 257.011.262        | -        | 559.355.559          | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>794.090.323</b> | <b>-</b> | <b>8.934.859.811</b> | <b>-</b> |

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Phải thu tiền ký quỹ thẻ taxi.

#### 6. Nợ quá hạn

|   | Số cuối năm            |                    |                        | Số đầu năm        |          |                        |
|---|------------------------|--------------------|------------------------|-------------------|----------|------------------------|
|   | Thời gian quá hạn      | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc  | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu tiền cung cấp dịch vụ | 6 tháng đến dưới 1 năm | 137.731.560        | -                      |                   | -        | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu tiền cung cấp dịch vụ         | 6 tháng đến dưới 1 năm | 100.000.000        | -                      |                   | -        | -                      |
| Các tổ chức khác - phải thu tiền cung cấp dịch vụ                                       | 6 tháng đến dưới 1 năm | 194.989.215        | -                      |                   | -        | -                      |
| Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ  | 6 tháng đến dưới 1 năm | 22.710.762         | -                      |                   | -        | -                      |
| <b>Cộng</b>   |                        | <b>455.431.537</b> | <b>-</b>               |                   | <b>-</b> | <b>-</b>               |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

|                            |                    |
|----------------------------|--------------------|
| Số đầu năm                 | -                  |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 455.431.537        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>455.431.537</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                       | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
|-----------------------|--------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 137.933.887        | 605.862.213          |
| Công cụ, dụng cụ      | -                  | 53.820.000           |
| Hàng hóa              | -                  | 453.291.483          |
| <b>Cộng</b>           | <b>137.933.887</b> | <b>1.112.973.696</b> |

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ            | 58.153.028           | 299.289.861          |
| Chi phí bảo hiểm, kiểm định         | 111.530.468          | 373.777.914          |
| Chi phí sửa chữa tài sản            | 490.093.471          | 24.284.350           |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 838.424.706          | 567.472.045          |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.498.201.673</b> | <b>1.264.824.170</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ           | 527.164.677          | 1.472.029.915        |
| Chi phí sửa chữa tài sản           | 3.812.516.004        | 384.948.105          |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 470.210.641          | 2.251.100.055        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>4.809.891.322</b> | <b>4.108.078.075</b> |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị  | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                      |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm                            | 111.824.737.789        | 1.616.826.595        | 75.638.471.118                  | 5.627.171.604             | 3.168.100.227        | 197.875.307.333        |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | (182.000.000)        | (4.626.493.279)                 | -                         | (754.100.227)        | (5.562.593.506)        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>111.824.737.789</b> | <b>1.434.826.595</b> | <b>71.011.977.839</b>           | <b>5.627.171.604</b>      | <b>2.414.000.000</b> | <b>192.312.713.827</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                        |                      |                                 |                           |                      |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 17.860.776.912         | 89.179.457           | 23.409.812.644                  | 172.415.073               | -                    | 41.532.184.086         |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                    | -                               | -                         | -                    | -                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                      |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm                            | 39.363.107.284         | 699.526.694          | 53.728.928.698                  | 3.730.661.426             | 722.325.581          | 98.244.549.683         |
| Khấu hao trong năm                    | 2.816.739.418          | 133.594.337          | 4.627.811.308                   | 757.809.293               | 297.738.336          | 8.633.692.692          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | (146.840.843)        | (2.819.943.298)                 | -                         | (584.427.810)        | (3.551.211.951)        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>42.179.846.702</b>  | <b>686.280.188</b>   | <b>55.536.796.708</b>           | <b>4.488.470.719</b>      | <b>435.636.107</b>   | <b>103.327.030.424</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                      |                                 |                           |                      |                        |
| Số đầu năm                            | 72.461.630.505         | 917.299.901          | 21.909.542.420                  | 1.896.510.178             | 2.445.774.646        | 99.630.757.650         |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>69.644.891.087</b>  | <b>748.546.407</b>   | <b>15.475.181.131</b>           | <b>1.138.700.885</b>      | <b>1.978.363.893</b> | <b>88.985.683.403</b>  |
| <b>Trong đó:</b>                      |                        |                      |                                 |                           |                      |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                    | -                               | -                         | -                    | -                      |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                    | -                               | -                         | -                    | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

|                                       | <b>Quyền sử dụng đất</b> |
|---------------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                          |
| Số đầu năm                            | 24.058.532.693           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>24.058.532.693</b>    |
| <i>Trong đó:</i>                      |                          |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                          |
| Số đầu năm                            | 2.857.909.544            |
| Khấu hao trong năm                    | 576.320.772              |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>3.434.230.316</b>     |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                          |
| Số đầu năm                            | 21.200.623.149           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>20.624.302.377</b>    |
| <i>Trong đó:</i>                      |                          |
| Tạm thời không sử dụng                | -                        |
| Đang chờ thanh lý                     | -                        |

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|   | <b>Số đầu năm</b>  | <b>Chi phí phát sinh trong năm</b> | <b>Kết chuyển chi phí trả trước</b> | <b>Số cuối năm</b> |
|---|--------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|
| Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc    | 194.363.636        | -                                  | -                                   | 194.363.636        |
| Công trình đầu tư kho - Tiếp vận Nam Phát | 60.000.000         | -                                  | (60.000.000)                        | -                  |
| Công trình khác                           | -                  | 8.000.000                          | -                                   | 8.000.000          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>254.363.636</b> | <b>8.000.000</b>                   | <b>(60.000.000)</b>                 | <b>202.363.636</b> |

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch chi phí khấu hao tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh như sau:

|                                 | <b>Năm nay</b>    | <b>Năm trước</b>   |
|---------------------------------|-------------------|--------------------|
| Số đầu năm                      | 126.741.185       | 243.038.414        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (90.106.752)      | (116.297.229)      |
| <b>Số cuối năm</b>              | <b>36.634.433</b> | <b>126.741.185</b> |

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>     |
|---|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh (là bên liên quan) | 135.476.200          | -                     |
| Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn    | 3.166.373.246        | 3.007.886.318         |
| Samudera Shipping Line Ltd.                       | 293.378.097          | 6.723.458.355         |
| Các nhà cung cấp khác                             | 3.324.100.263        | 5.698.823.481         |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>6.919.327.806</b> | <b>15.430.168.154</b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm           |                    | Số phát sinh trong năm |                        | Số cuối năm        |                    |
|--|----------------------|--------------------|------------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
|  | Phải nộp             | Phải thu           | Số phải nộp            | Số đã thực nộp         | Phải nộp           | Phải thu           |
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 297.712.021          | 82.662.614         | 2.050.008.474          | (1.884.167.753)        | 380.890.128        | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 589.823.273          | 116.792.682        | 187.503.890            | (1.509.044.748)        | -                  | 848.510.267        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 5.508.750            | 136.348.545        | 2.379.387.921          | (2.318.509.946)        | 65.030.088         | 134.991.908        |
| Thuế nhà đất                           | -                    | 3.142.782          | 27.847.000             | (27.847.000)           | -                  | 3.142.782          |
| Tiền thuê đất                          | -                    | -                  | 2.000.686.000          | (2.000.686.000)        | -                  | -                  |
| Thuế nhà thầu                          | 98.825.515           | -                  | 881.812.288            | (910.946.244)          | 69.691.559         | -                  |
| Các loại thuế khác                     | 73.219.691           | -                  | 13.000.000             | (13.000.000)           | 73.219.691         | -                  |
| <b>Cộng</b>                            | <b>1.065.089.250</b> | <b>338.946.623</b> | <b>7.540.245.573</b>   | <b>(8.664.201.691)</b> | <b>588.831.466</b> | <b>986.644.957</b> |

##### Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                |   |     |
|--------------------------------|---|-----|
| - Hoa hồng đại lý cho hãng tàu | : | 0%  |
| - Các dịch vụ khác             | : | 10% |

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án thực hiện trong khu kinh tế với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án, được miễn thuế trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

|  | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay | Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước | Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp |
|--|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Hải Minh               | 126.921.309                                 | -   | 126.921.309                             |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát         | -   | 55.790.760  | 55.790.760                              |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh         | -   | 6.869.084   | 6.869.084                               |
| Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh | (2.077.263)                                 | -   | (2.077.263)                             |
| <b>Cộng</b>                            | <b>124.844.046</b>                          | <b>62.659.844</b>                                   | <b>187.503.890</b>                      |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

##### Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

##### Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho nhân viên trong Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh (là bên liên quan) - lãi vay phải trả | 16.897.223                | -                         |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác  | 251.623.698               | 309.135.310               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>268.520.921</u></b> | <b><u>309.135.310</u></b> |

#### 17. Phải trả khác

##### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

|  | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|---------------------------|------------------------------|
| Kinh phí công đoàn                                   | 162.738.160               | 223.539.960                  |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 3.867.700                 | 243.000                      |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn                                 | 105.504.148               | 111.504.148                  |
| Cổ tức phải trả                                      | 24.505.630                | 12.879.046.965               |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 672.289.716               | 1.119.372.513                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>968.905.354</u></b> | <b><u>14.333.706.586</u></b> |

##### 17b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn cho thuê văn phòng.

##### 17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 18. Vay ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|------------------------------|---------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>                         | <i>11.000.000.000</i>        | <i>-</i>                  |
| Vay Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh <sup>(i)</sup>             | 5.500.000.000                | -                         |
| Vay Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh <sup>(ii)</sup>     | 5.500.000.000                | -                         |
| <i>Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS)</i> | <i>-</i>                     | <i>271.279.833</i>        |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>11.000.000.000</u></b> | <b><u>271.279.833</u></b> |

(i) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh để tài trợ cho hoạt động kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay tối đa 01 năm.

(ii) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh để tài trợ cho hoạt động kinh doanh với lãi suất từ 7,7%- 8%/năm, thời hạn vay tối đa 01 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                       |                              |
|-----------------------|------------------------------|
| Số đầu năm            | 271.279.833                  |
| Số tiền vay phát sinh | 11.000.000.000               |
| Số tiền vay đã trả    | (271.279.833)                |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b><u>11.000.000.000</u></b> |

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Số đầu năm           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm      | Số cuối năm          |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 1.022.100.099        | 2.106.303.232                  | (2.089.715.467)        | 1.038.687.864        |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 259.589.977          | 838.151.616                    | (994.956.749)          | 102.784.844          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>1.281.690.076</b> | <b>2.944.454.848</b>           | <b>(3.084.672.216)</b> | <b>1.141.472.708</b> |

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                                | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh | 14.288.000.000         | -                      |
| Ông Trần Quang Tiến            | 13.885.050.000         | -                      |
| Ông Vũ Đức Tuấn                | 10.000.000.000         | -                      |
| Bà Phạm Thị Thu Thủy           | -                      | 6.800.000.000          |
| Các cổ đông khác               | 93.825.420.000         | 125.198.470.000        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>131.998.470.000</b> | <b>131.998.470.000</b> |

##### 20c. Cổ phiếu

|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 13.200.000  | 13.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 13.199.847  | 13.199.847 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 13.199.847  | 13.199.847 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | 352.200     | 352.200    |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 352.200     | 352.200    |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 12.847.647  | 12.847.647 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 12.847.647  | 12.847.647 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

##### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 như sau:

|   | VND              |
|---|------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông             | : 38.542.941.000 |
| • Trích quỹ phúc lợi                      | : 1.676.303.232  |
| • Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | : 838.151.616    |

Ngoài ra, Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 và năm 2021 số tiền 430.000.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

##### 21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 1.072.460.000               | 1.072.460.000               |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 4.289.840.000               | 4.289.840.000               |
| Trên 5 năm           | 3.172.694.167               | 4.289.840.000               |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>8.534.994.167</u></b> | <b><u>9.652.140.000</u></b> |

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng được Tập đoàn thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê từ năm 2021 là 1.072.460.000 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000.

##### 21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền của Tập đoàn bao gồm 96,7 USD (số đầu năm là 11.148,2 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                    | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải | 27.309.913.342               | 30.391.929.087               |
| Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)    | 989.584.490                  | 5.989.020.818                |
| Doanh thu dịch vụ đại lý container | 11.214.405.315               | 11.248.132.188               |
| Doanh thu cho thuê văn phòng       | 4.378.669.567                | 3.487.853.448                |
| Doanh thu cho thuê bãi             | 39.902.263.433               | 39.598.529.331               |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>83.794.836.147</u></b> | <b><u>90.715.464.872</u></b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh như sau:

|                                    | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|----------------|------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải | 140.218.517    | -                |
| Doanh thu cho thuê văn phòng       | 116.003.328    | -                |

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận tải          | 29.559.376.400               | 29.886.085.876               |
| Giá vốn đại lý dầu (hàng hóa)    | 1.079.015.202                | 5.655.415.907                |
| Giá vốn dịch vụ đại lý container | 5.426.937.647                | 5.658.596.939                |
| Giá vốn cho thuê văn phòng       | 2.748.564.143                | 2.226.605.779                |
| Giá vốn cho thuê bãi             | 34.524.598.253               | 32.447.261.599               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>73.338.491.645</u></b> | <b><u>75.873.966.100</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>             |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng                     | 1.675.651.149               | 1.446.474.192                |
| Lãi tiền cho vay                           | 976.825.960                 | 3.381.885.764                |
| Lãi kinh doanh chứng khoán                 | 798.719.821                 | 5.958.924.198                |
| Cổ tức được chia từ kinh doanh chứng khoán | 92.116.000                  | 50.002.000                   |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh            | 131.952.607                 | 202.384.695                  |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác         | 916.839.772                 | 789.390.000                  |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>4.592.105.309</u></b> | <b><u>11.829.060.849</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 16.897.223                  | -                           |
| Lỗ kinh doanh chứng khoán  | 3.189.528.975               | 1.297.311.809               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 380.497.394                 | 76.107.783                  |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 105.686                     | -                           |
| Lỗ phân bổ mua trái phiếu  | 224.144.798                 | 12.074.076                  |
| Chi phí tài chính khác   | 3.960.693                   | -                           |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>3.815.134.769</u></b> | <b><u>1.385.493.668</u></b> |

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 5.527.050.325               | 4.644.605.559               |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 476.351.510                 | 325.500.274                 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 132.469.203                 | 74.829.134                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 296.900.138                 | 296.928.348                 |
| Thuế, phí và lệ phí              | 108.013.397                 | 54.768.760                  |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 455.431.537                 | -                           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.146.271.144               | 1.263.157.759               |
| Các chi phí khác                 | 1.186.616.083               | 321.214.753                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>9.329.103.337</u></b> | <b><u>6.981.004.587</u></b> |

**6. Thu nhập khác**

|  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>            |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 326.396.224               | 769.258.750                 |
| Thu nhập khác                            | 274.883.018               | 408.582.919                 |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>601.279.242</u></b> | <b><u>1.177.841.669</u></b> |

**7. Lãi trên cổ phiếu****7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|   | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u>    |
|---|-------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ       | 1.961.940.628     | 16.763.032.316      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(i)</sup>                                | (196.194.063)     | (1.676.303.232)     |
| Trích thường Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát <sup>(i)</sup> | (98.097.031)      | (838.151.616)       |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                              | 1.667.649.534     | 14.248.577.468      |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm   | 12.847.647        | 12.847.647          |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>130</u></b> | <b><u>1.109</u></b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.174 VND xuống còn 1.109 VND.

### 7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 6.663.248.881                | 9.855.845.723                |
| Chi phí nhân công                | 24.113.365.026               | 22.397.402.774               |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.210.013.464                | 9.069.951.328                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 38.852.320.256               | 41.140.412.965               |
| Chi phí khác                     | 3.828.647.355                | 391.357.897                  |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>82.667.594.982</u></b> | <b><u>82.854.970.687</u></b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 1.663.617.164               | 1.658.636.364               |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 2.904.963.200               | 543.636.364                 |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>4.568.580.364</u></b> | <b><u>2.202.272.727</u></b> |

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch trả cổ tức cho các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|                                     | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>Thành viên Hội đồng quản trị</b> |                |                  |
| Ông Trần Quang Tiền                 | 4.165.515.000  | -                |
| Ông Phùng Văn Quang                 | 1.013.712.000  | -                |
| Ông Phùng Tuấn Anh                  | 306.210.000    | -                |
| Ông Trần Đoàn Viện                  | 215.424.000    | -                |
| Ông Vũ Đức Tuấn                     | 3.000.000.000  | -                |
| Ông Nguyễn Thế Quân                 | 1.580.154.000  | -                |
| Ông Nguyễn Văn Hà                   | -              | 336.774.250      |
| Ông Nguyễn Thế Quân                 | -              | 340.185.000      |
| Ông Phạm Tiến Tịnh                  | -              | 524.766.650      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>                                    |                |                  |
| Ông Đặng Ngọc Hùng  | 91.140.000     | -                |
| Ông Nguyễn Thế Hưng   | 450.285.000    | 173.695.000      |
| <b>Ban kiểm soát</b>  |                |                  |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy                                    | 772.605.000    | 255.583.650      |
| Ông Triệu Đình Trung  | 211.425.000    | 113.826.600      |
| <b>Cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt</b> |                |                  |
| Bà Vũ Thị Ngọc Ánh  | 30.300.000     | -                |

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

|                          |                                | <u>VND</u>           |
|--------------------------|--------------------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>           |                                |                      |
| Ông Trần Quang Tiến      | Chủ tịch Hội đồng quản trị     | 32.400.000           |
| Ông Phùng Văn Quang      | Chủ tịch Hội đồng quản trị     | 248.000.000          |
| Ông Nguyễn Văn Hà        | Thành viên Hội đồng quản trị   | 64.800.000           |
| Ông Nguyễn Thế Quân      | Thành viên Hội đồng quản trị   | 64.800.000           |
| Ông Phạm Tiến Tịnh       | Thành viên Hội đồng quản trị   | 64.800.000           |
| Ông Vũ Đức Tuấn          | Thành viên Hội đồng quản trị   | 48.000.000           |
| Ông Trần Đức Trung       | Thành viên Hội đồng quản trị   |                      |
|                          | kiêm Phó Tổng Giám đốc         | 58.400.000           |
| Ông Trần Đoàn Viện       | Thành viên Hội đồng quản trị   |                      |
|                          | kiêm Phó Tổng Giám đốc         | 456.600.000          |
| Ông Đặng Ngọc Hùng       | Tổng Giám đốc                  | 474.283.334          |
| Ông Nguyễn Thế Hưng      | Tổng Giám đốc                  | 143.333.332          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng Ban kiểm soát           | 43.200.000           |
| Ông Triệu Đình Trung     | Thành viên Ban kiểm soát       | 32.400.000           |
| <b>Cộng</b>              |                                | <b>1.731.016.666</b> |
| <b>Năm trước</b>         |                                |                      |
| Ông Phùng Văn Quang      | Chủ tịch Hội đồng quản trị     | 791.000.000          |
| Ông Nguyễn Quốc Hùng     | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | 112.000.000          |
| Ông Nguyễn Văn Hà        | Thành viên Hội đồng quản trị   | 72.000.000           |
| Ông Nguyễn Thế Quân      | Thành viên Hội đồng quản trị   | 72.000.000           |
| Ông Phạm Tiến Tịnh       | Thành viên Hội đồng quản trị   | 72.000.000           |
| Ông Nguyễn Thế Hưng      | Tổng Giám đốc                  | 575.000.000          |
| Ông Đặng Ngọc Hùng       | Phó Tổng Giám đốc              | 461.900.000          |
| Ông Trần Đoàn Viện       | Phó Tổng Giám đốc              | 469.350.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng Ban kiểm soát           | 48.000.000           |
| Ông Triệu Đình Trung     | Thành viên Ban kiểm soát       | 36.000.000           |
| <b>Cộng</b>              |                                | <b>2.709.250.000</b> |





## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>             | <b>Mối quan hệ</b>  |
|---------------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh        | Cổ đông nắm giữ 10,82% vốn điều lệ và là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh | Chủ tịch Hội đồng quản trị của hai công ty có mối quan hệ mật thiết                 |

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh</b>        |                |                  |
| Cổ tức                                       | 7.286.400.000  | -                |
| Vay tiền                                     | 5.500.000.000  | -                |
| Cước vận chuyển                              | 150.820.000    | -                |
| Mua hàng hóa                                 | 11.200.000     | -                |
| <b>Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh</b> |                |                  |
| Vay tiền                                     | 5.500.000.000  | -                |
| Lãi vay                                      | 16.897.223     | -                |

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13, V.16 và V.18.


Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu là cung cấp các dịch vụ vận tải, đại lý container và cho thuê bãi. Các dịch vụ này được thực hiện tại Việt Nam.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

  
**Đào Thế Hưng**  
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023  
  
  
**Đặng Ngọc Hùng**  
Tổng Giám đốc

44987  
ÔNG T  
HIỆM H  
AN VÀ T  
& C  
- T.P.H

